TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN

Số: 8010/QĐ-PCSOCSON

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Sơn, ngày 16 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm công cụ dụng cụ sản xuất, dụng cụ an toàn, trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và máy tính

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 9/9/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2026 & số 324/QĐ-HĐTV ngày 05/11/2026 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy chế mua sắm trong Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 12872/QĐ-EVNHANOI ngày 30/12/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng – tài chính năm 2026 cho Công ty điện lực Sóc Sơn;

Căn cứ Quyết định số 7992/QĐ-PCSOCSON ngày 16/11/2026 Của Công ty Điện lực Sóc Sơn về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm công cụ dụng cụ sản xuất, dụng cụ an toàn, trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và máy tính;

Căn cứ Quyết định số 7993/QĐ-PCSOCSON ngày 16/11/2026 của Công ty Điện lực Sóc Sơn về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Mua sắm công cụ dụng cụ sản xuất, dụng cụ an toàn, trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và máy tính.

Căn cứ tờ trình ngày 16/11/2026 của phòng Kế hoạch và Vật tư về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm công cụ dụng cụ sản xuất, dụng cụ an toàn, trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và máy tính;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Kế hoạch và Vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm công cụ dụng cụ sản xuất, dụng cụ an toàn, trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và máy tính, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao phòng Kế hoạch và Vật tư chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan của Công ty Điện lực Sóc Sơn tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ông Trưởng phòng Kế hoạch và Vật tư cùng các ông (bà) trưởng các đơn vị liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như điều 2 (để t/h);
-TCKT, KTAT;
-Lưu: VT, KHVT.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0100101114-011-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Khương

Phụ lục I
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM:
MUA SẮM CÔNG CỤ DỤNG CỤ SẢN XUẤT, DỤNG CỤ AN TOÀN, TRANG BỊ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ MÁY TÍNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-PCSOCSON ngày /11/2026)

Bảng số 3

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Công ty Điện lực Sóc Sơn	Gói thầu số 18.MSHH.SXKD.2026: Mua sắm CCDC an toàn và máy tính phục vụ sản xuất	Dụng cụ an toàn, phòng cháy chữa cháy và máy tính	1.987.888.500	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		30 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	10 ngày	Không áp dụng
2	Công ty Điện lực Sóc Sơn	Gói thầu số 19.MSHH.SXKD.2026: Mua sắm công cụ dụng cụ sản xuất	Công cụ dụng cụ sản xuất	1.990.969.200	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		30 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	10 ngày	Không áp dụng
		Tổng cộng		**3.978.857.700**								

*Biểu giá chi tiết: Như phụ lục đính kèm.

Phụ lục II

DANH MỤC HÀNG HÓA CỦA GÓI THẦU THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM: MUA SẮM CÔNG CỤ DỤNG CỤ SẢN XUẤT, DỤNG CỤ AN TOÀN, TRANG BỊ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ MÁY TÍNH

(Kèm theo quyết định số 8010/QĐ-PCSOCSON ngày 16/11/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa VAT (đồng)	Thuế suất VAT	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thành tiền thuế (đồng)	Thành tiền sau thuế (đồng)
	Gói thầu số 18.MSHH.SXKD.2026: Mua sắm CCDC an toàn và máy tính phục vụ sản xuất					**1.840.637.500**	**147.251.000**	**1.987.888.500**
I	***Dụng cụ an toàn***					***1.074.525.000***	***85.962.000***	***1.160.487.000***
1	Găng tay cách điện hạ áp	Đôi	100	**900.000**	8%	90.000.000	7.200.000	97.200.000
2	Găng tay cách điện cao áp 26,5kV	Cái	13	**3.850.000**	8%	50.050.000	4.004.000	54.054.000
3	Dây an toàn nilon 3 khóa	Cái	18	**2.725.000**	8%	49.050.000	3.924.000	52.974.000
4	Bút thử điện tiếp xúc 36kV	Cái	13	**4.775.000**	8%	62.075.000	4.966.000	67.041.000
5	Sào cách điện cao áp loại ngắn	Cái	10	**11.500.000**	8%	115.000.000	9.200.000	124.200.000
6	Sào cách điện cao áp loại dài	Cái	4	**26.000.000**	8%	104.000.000	8.320.000	112.320.000
7	Tiếp đất di động đến 35kV 3pha	Bộ	10	**11.575.000**	8%	115.750.000	9.260.000	125.010.000
8	Tiếp đất di động hạ áp 4 pha (dùng trong tủ)	Bộ	50	**2.000.000**	8%	100.000.000	8.000.000	108.000.000
9	Tiếp đất di động hạ áp 4 pha (dùng siết cáp vặn xoắn)	Bộ	56	**3.000.000**	8%	168.000.000	13.440.000	181.440.000
10	Thang nhôm 3,8m	Cái	16	**2.950.000**	8%	47.200.000	3.776.000	50.976.000
11	Thang nhôm 5m	Cái	18	**3.200.000**	8%	57.600.000	4.608.000	62.208.000
12	Pa lăng xích kéo tay 1,5 tấn	Cái	8	**2.800.000**	8%	22.400.000	1.792.000	24.192.000
13	Pa lăng xích kéo tay 1,0 tấn	Cái	8	**2.300.000**	8%	18.400.000	1.472.000	19.872.000
14	Thảm cách điện 35kV	Cái	50	**1.500.000**	8%	75.000.000	6.000.000	81.000.000
II	***Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy***					***536.112.500***	***42.889.000***	***579.001.500***
1	Bình bột chữa cháy; ABC; 6kg	Bình	14	**850.000**	8%	11.900.000	952.000	12.852.000
2	Bình chữa cháy CO2	Bình	14	**925.000**	8%	12.950.000	1.036.000	13.986.000
3	Bình bột chữa cháy; ABC; 4kg	Bình	64	**500.000**	8%	32.000.000	2.560.000	34.560.000
4	Cọc tiêu giao thông	Cái	16	**137.500**	8%	2.200.000	176.000	2.376.000
5	Dây băng cảnh báo; 8cmx100m	Cuộn	44	**70.000**	8%	3.080.000	246.400	3.326.400
6	Biển: Cấm trèo! Điện áp cao nguy hiểm chết người	Cái	65	**202.500**	8%	13.162.500	1.053.000	14.215.500
7	Biển: Cấm vào! Điện áp cao nguy hiểm chết người	Cái	25	**202.500**	8%	5.062.500	405.000	5.467.500
8	Biển: Cấm đóng điện! Có người đang làm việc	Cái	61	**202.500**	8%	12.352.500	988.200	13.340.700
9	Biển: Dừng lại! Có điện nguy hiểm chết người	Cái	10	**202.500**	8%	2.025.000	162.000	2.187.000
10	Biển: Làm việc tại đây	Cái	5	**550.000**	8%	2.750.000	220.000	2.970.000
11	Biển: Đã nối đất	Cái	26	**112.500**	8%	2.925.000	234.000	3.159.000
12	Biển cảnh báo an toàn cấm vi phạm chân cột điện	Cái	10	**550.000**	8%	5.500.000	440.000	5.940.000
13	Biển "Cấm câu cá dưới đường dây"	Cái	20	**550.000**	8%	11.000.000	880.000	11.880.000
14	Biển "Cấm đổ rác chân cột điện"	Cái	120	**550.000**	8%	66.000.000	5.280.000	71.280.000
15	Biển báo công trường xách tay	Cái	9	**400.000**	8%	3.600.000	288.000	3.888.000
16	Găng tay sợi phủ cao su	Đôi	1.014	**5.000**	8%	5.070.000	405.600	5.475.600
17	Bình bột chữa cháy; MFZL (ABC)	Cái	107	**625.000**	8%	66.875.000	5.350.000	72.225.000
18	Bình khí nén chữa cháy xách tay CO2; 5kg; MT	Cái	27	**700.000**	8%	18.900.000	1.512.000	20.412.000
19	Loa cầm tay	Cái	8	**450.000**	8%	3.600.000	288.000	3.888.000
20	Bộ dụng cụ đồ nghề phục vụ thay, lắp công tơ hạ áp không cắt điện	Bộ	30	**7.025.000**	8%	210.750.000	16.860.000	227.610.000
21	Túi đựng dụng cụ, Loại nhỏ đeo vào người khi làm việc trên cao	Cái	131	**110.000**	8%	14.410.000	1.152.800	15.562.800
22	Chân trèo cột ly tâm khóa nhanh	Đôi	40	**750.000**	8%	30.000.000	2.400.000	32.400.000
III	***Máy tính***			**-**		***230.000.000***	***18.400.000***	***248.400.000***
1	Surface Pro 12 Platinum	Cái	8	**28.750.000**	8%	230.000.000	18.400.000	248.400.000
	***Gói thầu số 19.MSHH.SXKD.2026: Mua sắm công cụ dụng cụ sản xuất**			**-**		**1.843.490.000**	**147.479.200**	**1.990.969.200**
1	Ampe kìm; 0-1000A AC (kèm dây mở rộng thang đo)	Cái	3	**2.975.000**	8%	8.925.000	714.000	9.639.000

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa VAT (đồng)	Thuế suất VAT	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thành tiền thuế (đồng)	Thành tiền sau thuế (đồng)
2	Ampe kìm; 0-600A AC (kèm dây mở rộng thang đo)	Cái	2	**2.975.000**	8%	5.950.000	476.000	6.426.000
3	Máy đo nhiệt độ hồng ngoại; dải đo ≤400 độ C	Cái	22	**2.600.000**	8%	57.200.000	4.576.000	61.776.000
4	Máy đo khoảng cách laser	Cái	2	**4.775.000**	8%	9.550.000	764.000	10.314.000
5	Thiết bị xác định pha, Upha:100V-260V	Bộ	7	**27.500.000**	8%	192.500.000	15.400.000	207.900.000
6	Kìm siết đai inox	Cái	7	**2.100.000**	8%	14.700.000	1.176.000	15.876.000
7	Máy cưa cành cây sào cách điện	Cái	2	**21.000.000**	8%	42.000.000	3.360.000	45.360.000
8	Máy cưa xích cầm tay	Cái	18	**26.500.000**	8%	477.000.000	38.160.000	515.160.000
9	Máy mài góc dùng pin	Cái	10	**8.500.000**	8%	85.000.000	6.800.000	91.800.000
10	Máy cắt cầm tay dùng pin	Cái	12	**8.500.000**	8%	102.000.000	8.160.000	110.160.000
11	Máy vặn vít và siết bulong kèm đầu tô vít	Cái	61	**7.525.000**	8%	459.025.000	36.722.000	495.747.000
12	Máy ép cốt thủy lực dùng pin	Cái	5	**9.750.000**	8%	48.750.000	3.900.000	52.650.000
13	Dụng cụ bóc tách vỏ cáp điện; dùng cho cáp điện; điều chỉnh độ sâu cắt	Cái	3	**2.350.000**	8%	7.050.000	564.000	7.614.000
14	Đèn pin siêu sáng	Cái	34	**235.000**	8%	7.990.000	639.200	8.629.200
15	Máy phát điện; 2kW	Cái	1	**8.025.000**	8%	8.025.000	642.000	8.667.000
16	Máy phát điện; 5kW	Cái	1	**16.500.000**	8%	16.500.000	1.320.000	17.820.000
17	Câu liêm	Cái	8	**297.500**	8%	2.380.000	190.400	2.570.400
18	Kìm cộng lực	Cái	4	**695.000**	8%	2.780.000	222.400	3.002.400
19	Dây băng cảnh báo; 8cmx100m	Cuộn	4	**70.000**	8%	280.000	22.400	302.400
20	Dao chặt cây	Cái	5	**300.000**	8%	1.500.000	120.000	1.620.000
21	Dao bóc cách điện	Cái	21	**297.500**	8%	6.247.500	499.800	6.747.300
22	Bộ cờ lê 2 đầu (vòng + miệng)	Bộ	2	**650.000**	8%	1.300.000	104.000	1.404.000
23	Bộ đầu tuýp đa năng; D6-32mm	Bộ	2	**460.000**	8%	920.000	73.600	993.600
24	Bộ lục giác	Bộ	9	**307.500**	8%	2.767.500	221.400	2.988.900
25	Túi đựng dụng cụ	Cái	131	**150.000**	8%	19.650.000	1.572.000	21.222.000
26	Kìm chết; 10 inch; Thép hợp kim Cr-V	Cái	8	**280.000**	8%	2.240.000	179.200	2.419.200
27	Kìm điện	Cái	66	**400.000**	8%	26.400.000	2.112.000	28.512.000
28	Kìm cắt	Cái	66	**400.000**	8%	26.400.000	2.112.000	28.512.000
29	Kìm mỏ nhọn	Cái	66	**390.000**	8%	25.740.000	2.059.200	27.799.200
30	Tuốc nơ vít 2 đầu (2 cạnh + 4 cạnh)	Cái	66	**180.000**	8%	11.880.000	950.400	12.830.400
31	Kìm mỏ quạ; 18 inch; Thép hợp kim Cr-V	Cái	4	**2.200.000**	8%	8.800.000	704.000	9.504.000
32	Mỏ lết răng; 14 inch (350mm)	Cái	5	**480.000**	8%	2.400.000	192.000	2.592.000
33	Mỏ lết răng; 10 inch (250mm)	Cái	10	**252.500**	8%	2.525.000	202.000	2.727.000
34	Cóc kẹp cáp vặn xoắn	Cái	14	**5.200.000**	8%	72.800.000	5.824.000	78.624.000
35	Dụng cụ tách cáp vặn xoắn	Cái	45	**150.000**	8%	6.750.000	540.000	7.290.000
36	Puly nhựa kéo cáp; ABC	Cái	56	**452.500**	8%	25.340.000	2.027.200	27.367.200
37	Máy hút và thổi bụi vệ sinh các tủ điện hạ thế (không cắt điện-Hotline)	Cái	3	**8.525.000**	8%	25.575.000	2.046.000	27.621.000
38	Bút thử điện hạ áp	Cái	100	**27.500**	8%	2.750.000	220.000	2.970.000
39	Máy cắt đầu cọc bê tông (gồm đai ôm cọc D600)	Cái	1	**10.475.000**	8%	10.475.000	838.000	11.313.000
40	Xe đẩy hàng 4 bánh, trọng lượng hàng 500kg	Cái	3	**4.475.000**	8%	13.425.000	1.074.000	14.499.000
	Tổng cộng					**3.684.127.500**	**294.730.200**	**3.978.857.700**